

Quy định của Trường Nhật ngữ SCG

Chương 1 Nguyên tắc chung

(Mục tiêu)

Điều 1. Mục đích của trường này là cung cấp giáo dục tiếng Nhật cho người nước ngoài, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng giao tiếp toàn diện phù hợp với nguồn nhân lực thế kỷ 21, đủ để vào đại học và đạt được các mục tiêu khác của mỗi sinh viên, và giải quyết các vấn đề khác nhau ở cấp độ toàn cầu, quốc gia và khu vực theo quan điểm "phát triển nguồn nhân lực".

(Định nghĩa)

Điều 2. Tên của trường là Trường Nhật ngữ SCG.

(Địa điểm)

Điều 3. Trường sẽ tọa lạc tại Tòa nhà SCG, 265-2 Makieya-cho, Nijo-agaru, Karasuma-dori, Nakagyo-ku, Thành phố Kyoto, Tỉnh Kyoto.

(Tự kiểm tra)

Điều 4. Để nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục và thực hiện mục tiêu, sứ mệnh xã hội của nhà trường, nhà trường phải tự kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động giáo dục, v.v. của mình.

2. Những vấn đề cần thiết liên quan đến việc thực hiện kiểm tra, đánh giá nêu tại khoản trước sẽ được quy định riêng.

Chương 2 Các khóa học, Thời gian học, Sức chứa tuyển sinh và Ngày lễ

(Các khóa học, thời gian học, và khả năng tuyển sinh)

Điều 5. Các khóa học, thời gian học, khả năng tuyển sinh, và số lớp học của trường như sau.

Tên khóa học	Thời gian tuyển sinh	Thời gian học tập	Dung tích	Số lượng lớp học
Khóa học tiếng Nhật 2 năm	Tháng tư	2 năm	317 học sinh	16 lớp học
Khóa học tiếng Nhật 1,5 năm	Tháng Mười	1 năm 6 tháng	20 học sinh	1 lớp
Tổng cộng			337 students	17 lớp học

(Kỳ bắt đầu và kỳ kết thúc)

Điều 6. Các khóa học tại trường sẽ bắt đầu vào tháng 4 và tháng 10 và kết thúc vào tháng 3.

2. Kỳ học của đoạn trước sẽ được chia thành các học kỳ sau.

《Sinh viên tháng 4》

- Năm 1, học kỳ 1: Từ đầu tháng 4 đến cuối tháng 9 (20 tuần)
- Năm 1, học kỳ 2: Từ đầu tháng 10 đến cuối tháng 3 (20 tuần)
- Năm 2, học kỳ 1: Từ đầu tháng 4 đến cuối tháng 9 (20 tuần)
- Năm 2, học kỳ 2: Từ đầu tháng 10 đến cuối tháng 3 (20 tuần)

《Sinh viên tháng 10》

- Năm 1, học kỳ 1: Từ đầu tháng 10 đến cuối tháng 3 (20 tuần)
- Năm 2, học kỳ 1: Từ đầu tháng 4 đến cuối tháng 9 (20 tuần)
- Năm 2, học kỳ 2: Từ đầu tháng 10 đến cuối tháng 3 (20 tuần)

(Ngày lễ)

Điều 7. Nhà trường đóng cửa vào những ngày sau

- (1) Thứ bảy và Chủ Nhật
- (2) Ngày lễ theo quy định của Luật ngày lễ quốc gia
- (3) Kỳ nghỉ học kỳ mùa xuân, mùa hè, mùa thu và mùa đông, Tuần lễ vàng và kỳ nghỉ Obon.
(Thời gian được ghi trong lịch trình sự kiện)
- (4) Các ngày lễ khác do nhà trường quyết định

2. Bất chấp các quy định của đoạn trước, các lớp học có thể được tổ chức vào các ngày lễ khi nhà trường cho rằng cần thiết cho mục đích giáo dục và trong những trường hợp bất khả kháng.

3. Nhà trường có thể tạm thời đình chỉ các lớp học trong trường hợp xảy ra thảm họa khẩn cấp hoặc các trường hợp cấp bách khác mà nhà trường cho là cấp bách.

(Thời gian bắt đầu và kết thúc lớp học)

Điều 8. Thời gian bắt đầu và kết thúc lớp học được xác định riêng.

Chapter 3 Curriculum, Number of Class Hours, Evaluation of Learning, and Organization of Teachers and Staff

(Chương trình giảng dạy)

Điều 9. Chương trình giảng dạy và số giờ học của từng khóa học tại trường được quy định tại các mục sau. Tuy nhiên, một giờ tín chỉ của giờ học được đề cập ở đây là 45 phút.

- (1) Khóa học tiếng Nhật 2 năm

Chủ thể	Nội dung	Giờ học mỗi tuần (số tuần học)
Tiểu học I	Mục tiêu là nắm vững ngữ pháp cơ bản, Kanji và từ vựng, có thể thực hiện các cuộc hội thoại cơ bản và các thủ tục văn phòng cần thiết trong cuộc sống hàng ngày. Trọng tâm sẽ được đặt vào thực hành viết, nghe hiểu và thực hành hội thoại.	20 giờ (10 tuần)
Tiểu học II	Mục đích là để nắm được các mẫu câu và cách diễn đạt cơ bản, và có thể giao tiếp trôi chảy, bao gồm cả suy nghĩ và mong muốn của bản thân bằng cách phát triển các kỹ năng cơ bản này qua bốn kỹ năng, và có thể đọc các câu đơn giản và viết các bài luận ngắn.	20 giờ (10 tuần)
Người mới bắt đầu-Trung cấp	Mục đích là để có được các mẫu câu, ngữ pháp và cách diễn đạt nâng cao để có thể đàm phán trong nhiều tình huống hàng ngày khác nhau theo mục đích và có thể đọc các câu dài hơn một chút. Chuẩn bị cho Kỳ thi năng lực tiếng Nhật. Xây dựng nền tảng cho các môn học EJU.	20 giờ (20 tuần)
Trung cấp	Mục đích là đào sâu hiểu biết về xã hội và văn hóa Nhật Bản, và cải thiện khả năng đọc hiểu để hiểu và sử dụng tiếng Nhật trong nhiều lĩnh vực ngoài tiếng Nhật được sử dụng trong các tình huống hàng ngày. Học thực tế hơn bằng cách sử dụng báo và tạp chí. Thực hành chuẩn bị phỏng vấn, thảo luận và viết luận để chuẩn bị cho giáo dục đại học. Chuẩn bị cho EJU và JLPT.	20 giờ (20 tuần)

Trình độ cao	Mục tiêu là hiểu tiếng Nhật logic và trừu tượng một cách chi tiết, bao gồm các bài báo và bài xã luận trong nhiều lĩnh vực khác nhau, và có được các kỹ năng tiếng Nhật để thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn của mình và chuẩn bị cho nghiên cứu một cách độc lập. Phát triển các kỹ năng ứng dụng toàn diện trong tiếng Nhật học thuật với mục đích nâng cao khả năng tiếng Nhật để chịu được các lớp học, thảo luận và viết luận văn cấp cao sau khi nhập học tại các trường đại học chất lượng hàng đầu.	20 giờ (20 tuần)
--------------	--	---------------------

(2) 1.5-year Japanese course

Chủ thể	Nội dung	Giờ học mỗi tuần (số tuần học)
Tiểu học I	Mục tiêu là nắm vững ngữ pháp cơ bản, Kanji và từ vựng, có thể thực hiện các cuộc hội thoại cơ bản và các thủ tục văn phòng cần thiết trong cuộc sống hàng ngày. Trọng tâm sẽ được đặt vào nghe hiểu và thực hành hội thoại.	20 giờ (10 tuần)
Tiểu học II	Mục đích là để nắm được các mẫu câu và cách diễn đạt cơ bản, và có thể giao tiếp trôi chảy, bao gồm cả suy nghĩ và mong muốn của bản thân bằng cách phát triển các kỹ năng cơ bản này qua bốn kỹ năng, và có thể đọc các câu đơn giản và viết các bài luận ngắn.	20 giờ (10 tuần)
Người mới bắt đầu- Trung cấp	Mục đích là để có được các mẫu câu, ngữ pháp và cách diễn đạt nâng cao để có thể đàm phán trong nhiều tình huống hàng ngày khác nhau theo mục đích và có thể đọc các câu dài hơn một chút. Trọng tâm sẽ được đặt vào thực hành giao tiếp. Chuẩn bị cho Kỳ thi năng lực tiếng Nhật.	20 giờ (20 tuần)
Trung cấp	Mục đích là đào sâu hiểu biết về xã hội và văn hóa Nhật Bản, và có được kỹ năng giao tiếp thực tế hơn ngoài tiếng Nhật được sử dụng trong các tình huống hàng ngày. Khóa học nhằm giúp sinh viên đạt được nhiều mục tiêu khác nhau, chẳng hạn như giáo dục đại học, việc làm và khám phá văn hóa Nhật Bản, theo nhu cầu của từng cá nhân.	20 giờ (20 tuần)

(Đánh giá kết quả học tập)

Điều 10. Đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo thang điểm năm điểm, được xác định dựa trên kết quả kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ tổ chức hằng học kỳ, tỷ lệ chuyên cần hằng học kỳ và thái độ học tập trên lớp.

(Tổ chức giáo viên và nhân viên)

Điều 11. Nhà trường có các thành viên sau đây:

- (1) 1 hiệu trưởng
- (2) 1 giáo viên chủ nhiệm
- (3) 17 giáo viên trở lên (trong đó có ít nhất 7 giáo viên toàn thời gian)
- (4) 1 cố vấn học tập trở lên
- (5) 1 nhân viên hành chính trở lên

2. Ngoài những người trên, có thể phân công thêm nhân viên cần thiết.
3. Hiệu trưởng phụ trách công tác nhà trường và quản lý đội ngũ giáo viên của nhà trường.
4. Hiệu trưởng phụ trách công tác giảng dạy và quản lý toàn bộ các khóa học.

Chapter 4 Admission, Leave of Absence, Reinstatement, Transfer, Withdrawal, Completion, Graduation, and Awards and Penalties

(Điều kiện tuyển sinh)

Điều 12. Về nguyên tắc, những người nhập học theo tư cách lưu trú "Sinh viên" phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau đây để được tuyển sinh.

- (1) Những người đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành 12 năm học trở lên hoặc khóa học tương đương
 - (2) Những người từ 18 tuổi trở lên
 - (3) Những người đã được phép hoặc dự kiến sẽ được phép nhập cảnh vào Nhật Bản thông qua các thủ tục hợp lệ.
 - (4) Những người có người bảo lãnh đáng tin cậy
 - (5) Đối với cả khóa học 2 năm và khóa học 1,5 năm, những người đã hoàn thành 150 giờ tiếng Nhật trở lên, những người có trình độ tương đương N5 của Kỳ thi năng lực tiếng Nhật và những người đã tốt nghiệp một cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài và có thể nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp
2. Không giới hạn ở các điều kiện của đoạn trước, những người được Cục Quản lý Xuất nhập cảnh công nhận là không có vấn đề gì về tư cách lưu trú của mình có thể được nhận vào trường.

(Thời gian tuyển sinh)

Điều 13. Tuyển sinh vào trường được tổ chức 2 lần/năm, vào tháng 4 và tháng 10.

(Thủ tục tuyển sinh)

Điều 14. Thủ tục tuyển sinh vào trường như sau

- (1) Người có nguyện vọng đăng ký vào trường phải điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký và các giấy tờ khác do trường cung cấp, nộp hồ sơ theo đúng thời hạn quy định, nộp lệ phí xét tuyển theo quy định tại Điều 20.
- (2) Nhà trường sẽ xét tuyển những ứng viên đã hoàn thành các thủ tục nêu tại mục trước và thực hiện các bước cần thiết để tuyển sinh những ứng viên trúng tuyển.
- (3) Những ứng viên trúng tuyển vào trường phải hoàn thành thủ tục tuyển sinh cho học kỳ nộp hồ sơ theo đúng thời hạn quy định, nộp lệ phí xét tuyển và các giấy tờ cần thiết theo quy định tại Điều 20.

(Nghỉ phép và phục hồi)

Điều 15. Khi sinh viên muốn nghỉ học dài hạn vì lý do ốm đau hoặc lý do bất khả kháng khác, sinh viên phải nộp đơn xin nghỉ học nêu rõ lý do và thời gian nghỉ học, kèm theo giấy chứng nhận của bác sĩ và các giấy tờ cần thiết khác, và phải được nhà trường cho phép.

2. Sinh viên đã nghỉ học và muốn quay lại trường có thể làm như vậy sau khi thông báo cho nhà trường và được nhà trường cho phép.

(Chuyển trường và Rút khỏi trường)

Điều 16. Sinh viên muốn chuyển trường hoặc rút khỏi trường phải thông báo cho nhà trường bằng văn bản về lý do chuyển trường hoặc rút khỏi trường và phải được nhà trường cho phép.

(Xác nhận hoàn thành và tốt nghiệp)

Điều 17. Nhà trường sẽ đánh giá việc học theo quy định tại Điều 10 cho mỗi học kỳ quy định tại mục trước và xác nhận hoàn thành khóa học liên quan cho những người đã nhận được đánh giá chung nhất định.

2. Nhà trường trao bằng tốt nghiệp cho những người đã hoàn thành chương trình học tập theo quy định tại trường.

(Phần thưởng)

Điều 18. Nhà trường có thể trao giải thưởng cho những người có thành tích học tập và thái độ học tập xuất sắc, gương mẫu.

(Hành động kỷ luật)

Điều 19. Nhà trường có thể áp dụng hành động kỷ luật đối với học sinh không tuân thủ các quy định của nhà trường và các quy định khác do nhà trường đặt ra, và có hành vi không phù hợp với bản chất thực sự của học sinh.

2. Có hai loại hành động kỷ luật: cảnh cáo và đuổi học.

3. Việc đuổi học như được mô tả trong đoạn trước chỉ được áp dụng đối với học sinh thuộc bất kỳ loại nào sau đây

(1) Những người được coi là có hành vi kém và không mong đợi cải thiện.

(2) Những người có thành tích học tập được coi là quá kém đến mức không có triển vọng thành công.

(3) Những người đi học không đều mà không có lý do chính đáng

(4) Những người phá vỡ trật tự hành vi của nhà trường hoặc vi phạm các quyền cơ bản của học sinh với tư cách là một học sinh

(5) Những người không trả học phí và các khoản phí khác, ngay cả sau khi đã yêu cầu thanh toán.

(6) Những người vi phạm Luật pháp Nhật Bản

Chapter 5 Fees

(Student Fees)

Article 20. The fees to be paid by students for each course of study shall be as follows

*The following fees do not include tax.

The tax rate shall be in accordance with the Japanese law of the year of payment.

*Costs of course materials, facility, insurance, and medical check-up fee are included in "Others".

Tên khóa học		Phí sàng lọc	Phí vào cửa	Học phí	Khác	Tổng cộng (chưa bao gồm thuế)
Khóa học tiếng Nhật 2 năm	Năm thứ nhất	30,000 円	70,000 円	660,000 円	121,500 円	881,500 円
	Năm thứ 2			660,000 円	121,500 円	781,500 円
Tên khóa học	Năm thứ nhất	30,000 円	70,000 円	660,000 円	121,500 円	881,500 円
	Năm thứ 2			330,000 円	63,250 円	393,250 円

(Thanh toán)

Điều 21. Học phí phải được thanh toán vào ngày được chỉ định trong thời gian sinh viên đăng ký tại trường, bất kể sinh viên có theo học tại trường hay không.

2. Học phí của sinh viên được tính từ ngày bắt đầu lớp học theo quy định. Về nguyên tắc, nếu sinh viên chậm nhập học vì lý do cá nhân, học phí cho thời gian đó sẽ không được chuyển hoặc miễn. Tuy nhiên, nếu nhà trường xác định rằng sinh viên chậm nhập học vì lý do chính đáng, học phí sẽ được hoàn lại theo chính sách hoàn lại riêng.

3. Nếu sinh viên nộp đơn xin nghỉ học và nhà trường cho rằng đó là lý do chính đáng, nhà trường sẽ tham khảo ý kiến của sinh viên về việc hoàn lại tiền.

(Trễ hạn)

Điều 22. Trong trường hợp sinh viên hoặc người nộp tiền không nộp học phí và các khoản phí khác đúng hạn mà không có lý do chính đáng và không thực hiện các thủ tục bắt buộc, sinh viên có thể bị đình chỉ học.

(Hoàn trả học phí)

Điều 23. Về nguyên tắc, học phí đã nộp sẽ không được hoàn lại. Tuy nhiên, trong trường hợp có lý do chính đáng, sẽ được hoàn lại theo "Chính sách hoàn trả" được mô tả riêng.

Chương 6 Các điều khoản khác

(Thẻ sinh viên)

Điều 24. Thẻ sinh viên sẽ được cấp khi nhập học. Thẻ sinh viên này dùng để chứng minh tình trạng của sinh viên trong thời gian nhập học và phải luôn mang theo bên mình.

(Ký túc xá)

Điều 25. Các vấn đề liên quan đến ký túc xá sẽ được xác định riêng.

(Khám sức khỏe)

Điều 26. Sinh viên sẽ được khám sức khỏe một lần một năm và thông báo chi tiết về các cuộc kiểm tra cho sinh viên vào thời điểm nhập học và lên lớp hàng năm

(Đăng ký Bảo hiểm Y tế)

Điều 27. Sinh viên có tình trạng "Sinh viên" phải đăng ký vào hệ thống Bảo hiểm Y tế Quốc gia.

(Nghỉ tang)

Điều 28. Các vấn đề liên quan đến nghỉ tang sẽ được xác định riêng.

(Quy định chi tiết)

Điều 29. Quy định chi tiết về việc thực hiện các quy định của nhà trường này sẽ được quy định riêng.

Các điều khoản bổ sung:

Những quy định của trường này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 4 năm 2020.

Những quy định của trường này sẽ có hiệu lực vào ngày 28 tháng 7 năm 2022.

Những quy định của trường này sẽ có hiệu lực vào ngày 29 tháng 7 năm 2023.

Những quy định của trường này sẽ có hiệu lực vào ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Những quy định của trường này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 8 năm 2024.

Lưu ý: Văn bản được dịch sang nhiều ngôn ngữ chỉ để tham khảo, nhưng văn bản tiếng Nhật được ưu tiên về mặt nội dung.

Quy định của trường: Chi tiết đính kèm

Chương 1 Quy định chung

Điều 4 2. Những vấn đề cần thiết liên quan đến việc thực hiện thanh tra và đánh giá

→Xem đính kèm "Kế hoạch 'Tự thanh tra và tự đánh giá' của Trường Nhật ngữ SCG."

Chương 2: Các khóa học, thời gian học, khả năng tuyển sinh và ngày lễ

Điều 7 (3) Kỳ nghỉ cuối kỳ vào mùa xuân, mùa hè, mùa thu và mùa đông, Tuần lễ vàng và kỳ nghỉ lễ Obon.

→Chi tiết thực hiện sẽ được thông báo cho sinh viên tại thời điểm tuyển sinh và lên lớp hàng năm.

Điều 8: Giờ bắt đầu và kết thúc lớp học

Mỗi ngày có bốn lớp học, mỗi lớp kéo dài 45 phút. Khi nhập học, sẽ tiến hành kiểm tra xếp lớp và xác định lớp học.

Sau đó, các lớp học cho học kỳ tiếp theo sẽ được xác định dựa trên điểm của học kỳ hiện tại.

Khóa học tiếng Nhật 2 năm Khóa học tiếng Nhật 1,5 năm	Morning Class	Afternoon Class
Giai đoạn 1	9 : 00~ 9 : 45	13 : 00~13 : 45
Giai đoạn 2	9 : 55~10 : 40	13 : 55~14 : 40
Giai đoạn 3	10 : 50~11 : 35	14 : 50~15 : 35
Giai đoạn 4	11 : 45~12 : 30	15 : 45~16 : 30

Chương 5: Học phí

Điều 23 Chính sách hoàn trả

1. Nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện không được cấp, tất cả các khoản phí sẽ được hoàn lại, ngoại trừ phí sàng lọc và

phí nhập học.

2. Nếu việc ghi danh bị hủy trước ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện, tất cả các khoản phí sẽ được hoàn lại, ngoại trừ phí sàng lọc và phí nhập học.

3. Nếu việc ghi danh bị hủy trước ngày nhập học 15 ngày sau khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp, tất cả các khoản phí sẽ được hoàn lại, ngoại trừ phí sàng lọc, phí nhập học và một tháng học phí, sau khi trả lại Giấy chứng nhận

đủ điều kiện và Giấy chứng nhận đủ điều kiện được xác nhận.

4. Nếu việc ghi danh bị hủy trong khoảng thời gian từ 14 ngày trước đến ngày trước ngày nhập học sau khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp, tất cả các khoản phí sẽ được hoàn lại, ngoại trừ phí sàng lọc, phí nhập học và ba tháng học phí, sau khi trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện và Giấy chứng nhận đủ điều kiện được xác nhận.

5. Nếu Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản không cấp thị thực, tất cả các khoản phí ngoại trừ phí tuyển sinh và phí nhập học sẽ được hoàn lại sau khi nộp thư nhập học và giấy chứng nhận nêu rõ thị thực không được cấp.

6. Nếu sinh viên đến Nhật Bản nhưng không nhập học, 70% học phí sẽ được hoàn lại. Tuy nhiên, khoản hoàn lại sẽ được thực hiện sau khi thẻ cư trú hết hạn và xác nhận sinh viên đã trở về nước.

7. Nếu sinh viên rút khỏi trường sau ngày nhập học nhưng trước khi kết thúc khóa học, chính sách hoàn lại sau đây sẽ được áp dụng.

<Chi phí không hoàn lại>

• Phí sàng lọc, phí nhập học, tài liệu khóa học, chi phí cơ sở vật chất, phí khám sức khỏe, phí bảo hiểm tai nạn, phí vào ký túc xá, tiền thuê ký túc xá, phí giường và các chi phí cá nhân khác

<Chi phí đủ điều kiện được hoàn lại>

• Tiền đặt cọc ký túc xá, học phí

Tiền đặt cọc ký túc xá	Tiền hoàn lại sẽ được thực hiện sau khi tốt nghiệp và chuyển ra khỏi ký túc xá. Nếu có bất kỳ hóa đơn nào chưa thanh toán như phí ký túc xá và phí tiện ích, hoặc nếu có bất kỳ hư hỏng nào đối với phòng hoặc thiết bị bị mất, những khoản này sẽ được khấu trừ khỏi tiền đặt cọc và số tiền còn lại sẽ được hoàn lại. Nếu tiền đặt cọc không đủ, các khoản thanh toán bổ sung sẽ được thu.
Phí ký túc xá	Hợp đồng ký túc xá có thời hạn sáu tháng và không được hoàn lại tiền nếu hợp đồng bị chấm dứt giữa chừng. Ngoài ra, bất kỳ hóa đơn tiện ích chưa thanh toán, hư hỏng phòng hoặc thiết bị bị mất sẽ được khấu trừ vào tiền đặt cọc. Nếu tiền đặt cọc không đủ, sẽ thu thêm phí.
Học phí	① Số ngày học đã trôi qua được tính bằng cách sử dụng số ngày học mỗi năm làm mẫu số. ② Tỷ lệ hoàn tiền được tính như sau: Nếu số ngày học đã trôi qua bằng 20% hoặc ít hơn số ngày học mỗi năm: Tỷ lệ hoàn tiền 80% Nếu số ngày học đã trôi qua bằng 40% hoặc ít hơn số ngày học mỗi năm: Tỷ lệ hoàn tiền 60% Nếu số ngày học đã trôi qua bằng 60% hoặc ít hơn số ngày học mỗi năm: Tỷ lệ hoàn tiền 40% Nếu số ngày học đã trôi qua bằng 80% hoặc ít hơn số ngày học mỗi năm: Tỷ lệ hoàn tiền 20% Nếu số ngày học đã trôi qua nhiều hơn 80% số ngày học mỗi năm: Tỷ lệ hoàn tiền 0% ③ Số tiền được tính bằng cách nhân học phí hàng năm với tỷ lệ hoàn tiền. ④ Số tiền hoàn lại là số tiền đã tính trừ đi phí phạt bỏ học. ※Phí phạt bỏ học là ¥ 33.000. ※Nếu có hóa đơn tiện ích chưa thanh toán, phòng bị hư hỏng hoặc thiết bị ký túc xá bị mất, những khoản này có thể được khấu trừ vào học phí theo cách tương tự như tiền đặt cọc và phí ký túc xá.

8. Nếu sinh viên vi phạm luật pháp Nhật Bản và bị trục xuất hoặc đuổi học, sẽ không được hoàn lại tiền.

9. Phí chuyển khoản ngân hàng phát sinh khi gửi tiền hoàn lại sẽ do sinh viên chịu.

10. Phí xử lý thanh toán cố định là 6.600 yên sẽ được khấu trừ khỏi tất cả các khoản hoàn lại được đề cập ở trên.

Chương 6: Các vấn đề khác

Điều 25: Các vấn đề liên quan đến ký túc xá

1. Các vấn đề nêu trên liên quan đến ký túc xá áp dụng cho các bất động sản nhà ở do nhà trường sở hữu và các bất động sản do nhà trường ký hợp đồng cho sinh viên thuê. Đối với các bất động sản nhà ở do công ty bất động sản cho sinh viên thuê thông qua công ty bất động sản, v.v., các điều khoản của hợp đồng cho thuê được ký kết trực tiếp sẽ được áp dụng.

2. Phí ký túc xá đối với các bất động sản nhà ở do nhà trường sở hữu và các bất động sản do nhà trường ký hợp đồng cho sinh viên thuê

1. Ngay cả khi bạn hủy đơn xin vào ký túc xá nhưng trước khi thanh toán phí ký túc xá, bạn vẫn phải thanh toán phí ký túc xá.

Nếu bạn hủy đơn xin vào ký túc xá sau khi thanh toán phí ký túc xá, tiền đặt cọc và phí ký túc xá sẽ được hoàn lại, không bao gồm phí ký túc xá. Ngoài ra, nếu bạn hủy đơn xin vào ký túc xá sau khi đến Nhật Bản nhưng trước khi chuyển đến, phí ký túc xá, tiền thuê một tháng, phí khu vực chung và các chi phí lát vật khác sẽ được khấu trừ và hoàn lại tiền.

2. Ký túc xá là hợp đồng một năm và phải thanh toán trước tiền thuê một năm, phí khu vực chung và các chi phí lát vật khác. Sau khi chuyển đến, bạn không được rời khỏi ký túc xá trong sáu tháng và nếu bạn chuyển đi trong thời gian đó, phí ký túc xá sáu tháng sẽ không được hoàn lại. Nếu bạn có kế hoạch rời khỏi ký túc xá sau tháng thứ bảy, bạn phải thông báo cho trường hai tháng trước khi rời đi. Bất kỳ khoản phí ký túc xá nào chưa sử dụng sẽ được hoàn lại, nhưng nếu bạn rời đi trong vòng một năm kể từ khi chuyển đến, bạn phải trả tiền bồi thường cho việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

3. Việc gia hạn hợp đồng cho khóa học 2 năm là cho năm tiếp theo và cho khóa học 1,5 năm là cho sáu tháng tiếp theo.

4. Sau khi gia hạn hợp đồng, phí ký túc xá cho tháng tiếp theo phải được thanh toán trước vào cuối tháng trước.

3. Nội quy ký túc xá

1. Cư dân phải tuân thủ các quy định được nêu trong nội quy ký túc xá, hiểu về cuộc sống cộng đồng và luôn lưu ý không gây rắc rối cho cư dân khác hoặc hàng xóm.

2. Không ai ngoài người giữ hợp đồng hoặc những người dùng khác được phép ở lại qua đêm trong ký túc xá.

3. Không được bồi thường cho tiền bạc hoặc đồ dùng cá nhân bị mất trong ký túc xá, vì vậy bạn phải tự quản lý những thứ này.

4. Quy định khi rời khỏi ký túc xá

1. Bạn không được chuyển ra khỏi ký túc xá trong 6 tháng đầu sau khi chuyển đến. Nếu bạn muốn chuyển ra khỏi ký túc xá sau tháng thứ 7, bạn phải thông báo cho nhà trường ít nhất 2 tháng trước khi chuyển đi.

2. Ngày chuyển đi của bạn phải là cuối tháng và các khoản thanh toán theo tỷ lệ sẽ không được chấp nhận ngay cả khi bạn chuyển đi vào giữa tháng.

Nếu bạn nghỉ học, bị đuổi học hoặc trở về nước, bạn phải rời đi ngay sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết tại trường.

3. Trong trường hợp này, phí ký túc xá của tháng rời đi sẽ không được hoàn lại.

4. Khi chuyển đi, bạn phải dọn dẹp kỹ lưỡng ký túc xá và nhờ nhân viên kiểm tra trước khi chuyển đi. Nếu có bất kỳ hư hỏng hoặc khiếm khuyết nào trong phòng, cư dân phải trả chi phí sửa chữa.

5. Nếu bạn vi phạm các quy tắc, phép lịch sự hoặc hành vi bị cấm của ký túc xá, bạn có thể bị đuổi khỏi ký túc xá.

5. Phong cách ứng xử

1. Cố gắng chào hỏi những người bạn cùng phòng và hàng xóm cả bên trong và bên ngoài ký túc xá.

2. Chú ý vệ sinh và dọn dẹp bên trong và bên ngoài ký túc xá.

3. Giữ bếp, nhà vệ sinh và phòng tắm sạch sẽ.

6. Những vật dụng bị cấm

1. Những hành động sau đây bị cấm vì chúng vi phạm luật pháp và quy định của Nhật Bản.

- Mua, mang vào hoặc sử dụng vật liệu nguy hiểm hoặc dễ nổ

- Mua, mang vào hoặc sử dụng ma túy

- Đánh bạc, bạo lực hoặc các hành động khác gây mất trật tự hoặc đạo đức công cộng, hoặc đi giày dép ở bất kỳ nơi nào khác ngoài lối vào

2. Hút thuốc ở bất kỳ nơi nào khác ngoài khu vực được chỉ định.

3. Vứt rác vào những ngày không phải ngày thu gom hoặc cất rác trên ban công hoặc ở những nơi chung.

4. Hành vi làm phiền hàng xóm, chẳng hạn như gây tiếng ồn cả trong nhà và ngoài trời.

5. Nói chuyện lớn tiếng, hát, chơi nhạc cụ, chạy quanh phòng hoặc bước chân lớn trong phòng, ban công, hành lang hoặc không gian chung sau 9 giờ tối.

6. Ở qua đêm tại các phòng khác trong hoặc ngoài ký túc xá mà không được phép, hoặc cho bất kỳ ai ngoài người ký hợp đồng ở lại qua đêm mà không được phép. Ngoài ra, di chuyển hoặc rời khỏi ký túc xá mà không được phép của nhà trường.

7. Đỗ xe đạp ở bất kỳ nơi nào khác ngoài khu vực được chỉ định.

Điều 28 Các vấn đề liên quan đến chế độ nghỉ tang chế

1. Trong trường hợp người thân của sinh viên qua đời, chế độ nghỉ tang chế sẽ được cấp và các lớp học sẽ được coi là vắng mặt chính thức khi có thông báo. Ngoài ra, nếu sinh viên không thể tham gia kỳ thi chính thức do cái chết, sinh viên sẽ có thể tham gia kỳ thi vào một ngày sau đó.

2. Phạm vi người thân có thể được xem xét cho chế độ nghỉ phép chính thức như sau.

1. Người thân bậc một (cha mẹ và con cái)

2. Người thân bậc hai (ông bà, anh chị em ruột)

3. Thời gian vắng mặt chính thức như sau. Tuy nhiên, nếu địa điểm ở xa, số ngày cần thiết cho chuyến đi khứ hồi sẽ được cộng thêm.

1. Trong trường hợp quan hệ họ hàng cấp một, thời hạn là trong vòng 5 ngày liên tiếp (bao gồm cả ngày lễ) kể từ ngày mất

2. Trong trường hợp quan hệ họ hàng cấp hai, thời hạn là trong vòng 3 ngày liên tiếp (bao gồm cả ngày lễ) kể từ ngày mất

4. Để thông báo về việc vắng mặt chính thức, sinh viên phải nộp "Thông báo nghỉ phép đặc biệt" cho Phòng Quản lý học vụ sau khi hoàn thành một sự kiện được coi là cần thiết.

Các điều khoản bổ sung:

Các chi tiết đính kèm của các quy định của trường này sẽ có hiệu lực vào ngày 29 tháng 7 năm 2023.

Các chi tiết đính kèm của các quy định của trường này sẽ có hiệu lực vào ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Các chi tiết đính kèm của các quy định của trường này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 8 năm 2024.

Lưu ý: Các văn bản được dịch sang nhiều ngôn ngữ chỉ để tham khảo, nhưng văn bản tiếng Nhật được ưu tiên về mặt nội dung.